

Số: 81 /BC-UBND

Yên Thế, ngày 11 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch SDD; công tác quản lý và sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường năm 2017; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2018
(Trình kỳ họp thứ bảy, HĐND huyện, khóa XXI)

Thực hiện Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất huyện Yên Thế năm 2017; Thông báo số 17/TB-TNMT ngày 24/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về giao nhiệm vụ- kế hoạch ngân sách nhà nước ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang năm 2017;

UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch SDD; công tác quản lý và sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường năm 2017; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2018 với nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017

1. Công tác triển khai, chỉ đạo

Căn cứ Thông báo số 17/TB-TNMT ngày 24/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về giao nhiệm vụ - kế hoạch ngân sách nhà nước ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang năm 2017, UBND huyện đã tổ chức Hội nghị giao ban với UBND các xã, thị trấn về kết quả thực hiện công tác tài nguyên và môi trường năm 2016 và triển khai Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 29/3/2017 về việc thực hiện công tác tài nguyên và môi trường năm 2017 giao các phòng chuyên môn và UBND các xã, thị trấn thực hiện với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể.

Căn cứ Kế hoạch được giao, UBND các xã, thị trấn và các ngành liên quan đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, báo cáo kết quả hàng tháng, quý, 6 tháng về UBND huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường). Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các phòng ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch giao, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

UBND huyện tăng cường chỉ đạo với trọng tâm, trọng điểm năm 2017 là quản lý đất công, đất công ích, cấp GCN QSDĐ... với các giải pháp khắc phục những tồn tại, bất cập cụ thể... do đó năm 2017 lĩnh vực công tác tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện đã có những chuyển biến tích cực.

2. Kết quả đạt được

2.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; căn cứ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011- 2020 đã được phê duyệt và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011- 2015 trên địa bàn huyện và nhu cầu sử dụng đất trong những năm tiếp theo, để bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển KT- XH và Quốc phòng- An ninh tại địa phương. UBND huyện chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện, các cơ quan tỉnh, TW đóng trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn rà soát, đăng ký nhu cầu sử dụng đất của địa phương, đơn vị mình; thẩm định, tổng hợp điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện với tổng diện tích xin thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất là 807,84 ha trong đó: Chuyển mục đích nội bộ trong đất nông nghiệp là 85,84 ha, chuyển sang đất phi nông nghiệp là 722,00 ha trình kỳ họp HĐND huyện thông qua, hoàn thiện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, thẩm định trình HĐND tỉnh phê duyệt.

b) Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được giao, UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn; các phòng, ban, ngành của huyện thông báo, niêm yết công khai và tổ chức triển khai, thực hiện các chỉ tiêu trong Kế hoạch.

Kết quả: Chỉ tiêu đất nông nghiệp được duyệt theo Kế hoạch là 25.710,48 ha, thực hiện là 25.871,24 ha; Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được duyệt theo kế hoạch là 4.829,13 ha, thực hiện là 4.668,40 ha; chỉ tiêu đất chưa sử dụng theo kế hoạch được duyệt là 97,44 ha, thực hiện là 97,41 ha (*Theo Biểu 01a*).

- *Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất*: Năm 2017 toàn huyện đã thu hồi, chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 30,10 ha đạt 19,73% kế hoạch; chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 5,5 ha, đạt 52,18% kế hoạch. (*Theo Biểu 01b, 01c*).

Một số chỉ tiêu thực hiện đạt cao hơn so với kế hoạch: Đất ở đô thị đạt 233,12% KH, đất nghĩa trang nghĩa địa 220% KH,...nguyên nhân do năm 2017 trên địa bàn huyện đang thực hiện 02 dự án lớn (Khu dân cư mới TT Bồ Hạ, Khu dân cư mới TT Cầu Gò), thu hồi đất xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Đồng Tâm, Tam Hiệp, Cầu Gò,...

Tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt, hoặc đã thực hiện nhưng đạt tỷ lệ rất thấp như: Đất trụ sở cơ quan; đất cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ, đất công trình năng lượng (nhà máy phát điện năng lượng mặt trời 83 ha).

Nhìn chung, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đạt tỷ lệ thấp so với Kế hoạch được duyệt, đạt 21,83% KH. Nguyên nhân do một số dự án lớn

trên địa bàn huyện chưa thực hiện như: Dự án nhà máy phát điện năng lượng mặt trời tại xã Đồng Tiến 83 ha, khu dân mới xã Phồn Xương 19,8 ha; trụ sở một số cơ quan chưa được bố trí vốn để thực hiện như: Công an huyện, Chi cục Thuế, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Bảo hiểm xã hội huyện...; cụm công nghiệp Cầu Gò xã Đồng Tâm chưa có nhà đầu tư đăng ký...

2.2. Công tác quản lý đất đai

a) Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu bản đồ địa chính đo đạc tại xã Đồng Lạc, Hồng Kỳ, Tân Sỏi, Tân Hiệp và TT Bồ Hạ; đơn đốc, kiểm tra tiến độ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính TT Cầu Gò; đo đạc lập bản đồ địa chính tại 02 xã: An Thượng, Phồn Xương.

b) Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tính đến 15/11/2017 đã cấp giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện được 690 GCN QSDĐ với tổng diện tích 831.163,7 m² đạt 69% kế hoạch tỉnh giao năm 2017 trong đó: Đất ở đô thị 209 giấy với diện tích 17.670,0 m²; đất ở nông thôn 204 giấy diện tích 23.376,8 m²; Đất trồng cây lâu năm 30 giấy với diện tích 228.387,4 m²; đất trồng lúa 107 giấy với diện tích 123.007,4 m²; đất rừng sản xuất 140 giấy với diện tích 438.722,1 m². Cấp đổi được 1.106 GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất với tổng diện tích là 3.616.137,5 m² đạt 111 % kế hoạch tỉnh giao năm 2017, trong đó: Đất ở nông thôn diện tích 120.706,0 m²; đất trồng cây lâu năm diện tích 846.198,7 m²; đất trồng rừng sản xuất diện tích 1.922.862,4 m²; đất trồng lúa diện tích 650.027,3 m², đất trồng cây hàng năm diện tích 56.515,9 m², đất nuôi trồng thủy sản diện tích 19.827,2 m².

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 49 GCNQSDĐ đất cho các tổ chức là các nhà văn hóa thôn bản, các đình chùa, trường mầm non, Bệnh viện đa khoa ... thuộc 09 xã, thị trấn trên địa bàn huyện với tổng diện tích 100.894,0 m².

(Theo Biểu 02a, 02b)

- Thực hiện thủ tục đăng ký, chỉnh lý biến động đất đai

Chỉ đạo thực hiện đăng ký biến động đất đai: 85 hồ sơ thực hiện chỉnh lý, đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổ chức thực hiện Kế hoạch về rà soát, cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân theo Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn: Đã tiến hành rà soát bước đầu đối

với 212/212 thôn bản, phổ với tổng diện tích 1.274,3 ha, tổng số 5.475 thửa/3.885 hộ gia đình, cá nhân.

c) Công tác xác định giá đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng

- Xác định giá đất cụ thể

Ban hành quyết định phê duyệt giá cụ thể để tính bồi thường, GPMB khi Nhà nước thu hồi đất theo các phương án GPMB cụ thể như sau: Xây dựng nghĩa trang thôn Tân Hồng, Tân Tiến xã Đồng Tâm, mở rộng nghĩa trang Đồng Ngoi (Tam Hiệp); điểm dân cư mới bản Làng Dưới, Xuân Lương, điểm dân cư Bo Non, xã Hương Vỹ, điểm dân cư bản Góc Bông, xã Đồng Tiến; điểm dân cư An Thượng; Phồn Xương; Hồng Kỳ; Đồng Lạc; Tam Hiệp; Cầu Gồ; giá đất cụ thể để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại thôn Ngò 1 xã Đồng Kỳ; ... Đảm bảo đúng quy định của pháp luật và theo quyết định ủy quyền của UBND tỉnh tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 01/01/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng

Năm 2017 trên địa bàn huyện thực hiện GPMB 15 dự án lớn với tổng diện tích 122.912,4 m² cụ thể: Khu dân cư mới thị trấn Bồ Hạ (đợt 3) diện tích 25.374 m²; khu dân cư mới thị trấn Cầu Gồ diện tích 46.841,3 m², khu dân cư thôn Bo Non, xã Hương Vỹ diện tích 2.772,2 m²; khu dân cư bản Làng Dưới, xã Xuân Lương diện tích 2.255,7 m²; khu dân cư thôn Hội xã Phồn Xương diện tích 3.629,9 m²; khu dân cư thôn Trại Cọ, xã Tam Hiệp diện tích 3.123,7 m²; khu dân cư bản Trại Nhì xã Hồng Kỳ với diện tích 1.355,2 m²; khu dân cư bản Góc Bông, xã Đồng Tiến với diện tích 2.347,9 m²; khu dân cư thôn Liên Cơ, xã Đồng Tâm diện tích 3.900 m²; khu dân cư thôn Tân An, xã An Thượng diện tích 4.905,2 m²; khu dân cư thôn Đền Giếng, xã Hồng Kỳ diện tích 1.125 m²; khu dân cư thôn Chi Chèo, xã Đồng Lạc diện tích 7.622,2 m²; khu dân cư Đèo Cà, xã Đồng Hưu diện tích 2.966,6 m²; mở rộng Trường THCS Hoàng Hoa Thám diện tích 7.126,1m²; xây dựng nghĩa trang thôn Tân Hồng, Tân Tiến, xã Đồng Tâm với diện tích 7.567,4 m².

d) Công tác thu hồi đất để giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất

Việc lập hồ sơ và thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất được tập trung chỉ đạo, sự phối hợp tích cực và chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị; do đó quy trình triển khai được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai và bảo đảm quyền lợi cho người sử dụng đất. Trong quá trình tổ chức thực hiện, đã kịp thời xem xét, chỉ đạo và giải quyết nhiều ý kiến, kiến nghị, thắc mắc của nhân dân về giá cả, các chính sách, chế độ khi Nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo các dự án thực hiện đúng tiến độ, kết quả cụ thể như sau:

Thu hồi đất để thực hiện dự án: GPMB, thu hồi đất để thực hiện các dự án tại các xã: Hương Vỹ, Xuân Lương, Phồn Xương, Tam Hiệp, Hồng Kỳ, Đồng Tiến,

Đồng Tâm, An Thượng, Đồng Lạc, Đồng Hưu, thị trấn Cầu Gò, thị trấn Bồ Hạ (đợt 3) với tổng diện tích 122.912,4 m².

- *Giao đất*: Giao 172 lô đất ở với diện tích 15.312,8m² (trong đó giao đất trúng đấu giá QSD đất là 164 lô đất với tổng diện tích là 13.091,8 m²; giao đất không qua đấu giá 21 lô đất với tổng diện tích 2.221 m²) tại các xã Tam Hiệp, Đồng Tâm, Tam Tiến, An Thượng, Tân Hiệp, Đông Sơn, Tiến Thắng, Bồ Hạ, thị trấn Cầu Gò, thị trấn Bồ Hạ.

- *Chuyển mục đích sử dụng đất*: Chuyển đất nông nghiệp sang đất ở cho 19 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 1.421m² tại các xã: Xuân Lương, Phồn Xương, Đồng Tâm, thị trấn Cầu Gò, Tam Tiến.

Thuê đất: Ban hành Quyết định cho hộ ông Trần Công Sờ thuê đất tại xã Đồng Tiến để thực hiện Dự án “Trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả lâu năm” với diện tích 55.001m².

đ) Công tác thống kê đất đai

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu số liệu thống kê đất đai năm 2016, kết quả cụ thể: Tổng diện tích tự nhiên của huyện tính đến ngày 31/12/2016 là 30.637,05 ha (không thay đổi so với năm 2015).

Trong đó: Đất nông nghiệp: 25.871,24 ha (giảm 3,56 ha so với thống kê đất đai năm 2015) chiếm 84,44% tổng diện tích tự nhiên. Đất phi nông nghiệp: 4.668,40 ha (tăng 3,59 ha so với thống kê đất đai năm 2015) chiếm 15,24% tổng diện tích tự nhiên. Đất chưa sử dụng: 97,41 ha (giảm 0,03 ha so với thống kê đất đai năm 2015) chiếm 0,32% tổng diện tích đất tự nhiên.

2.3. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản

Thường xuyên tăng cường công tác quản lý nhà nước về khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện; hướng dẫn chủ sử dụng đất lập hồ sơ cấp phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền tại các xã, thị trấn theo quy định. Thẩm định hồ sơ cấp phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền của 07 chủ hộ sử dụng đất tại các xã: Phồn Xương, Tam Hiệp, Tân Hiệp. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Công an huyện tăng cường kiểm tra việc san gạt mặt bằng, hạ cốt nền của các chủ sử dụng đất tại các xã, thị trấn; đã xử phạt hành chính 05 chủ sử dụng đất tại các xã Đồng Hưu, Tân Hiệp, Tam Hiệp, Phồn Xương với tổng số tiền xử phạt: 32.000.000 đồng; kiểm tra, phát hiện, xử phạt hành chính 01 hộ khai thác cát trái phép trên sông Thương, tại xã Bồ Hạ với số tiền là 2.475.000 đồng (tính cả tiền thu từ đấu giá số cát bị tịch thu).

Kiểm tra khai thác đất tại các xã, trên địa bàn huyện: Tam Tiến, Đông Sơn, Đồng Hưu, Tân Hiệp... ; kiểm tra, rà soát 06 bến bãi chứa cát, sỏi, vật liệu xây dựng đang hoạt động trên địa bàn huyện tại xã Bồ Hạ. Tham gia Đoàn giám sát

HĐND tỉnh giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện tại xã: Đồng Hưu, Tân Hiệp.

2.4. Công tác bảo vệ môi trường

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án bảo vệ môi trường giai đoạn 2017- 2020, tầm nhìn đến 2025; ban hành thông báo mời gọi nhà đầu tư thu gom vận chuyển và xử lý rác thải tập trung... Đã lựa chọn nhà đầu tư đăng ký và thực hiện đầu tư; tổ chức xây dựng và lắp đặt lò đốt rác và các công trình phụ trợ tại bãi rác Tam Tiến.

Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với 20 dự án sản xuất, kinh doanh thuộc các xã Phồn Xương, Đông Sơn, Tam Tiến, Bồ Hạ, thị trấn Cầu Gò, thị trấn Bồ Hạ...

Ngày 27-28/5/2017 chi đạo phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn phối hợp với UBMTTQ (20/21 xã, thị trấn) tổ chức đồng loạt ra quân dọn dẹp vệ sinh, khơi thông cống rãnh, dòng chảy, xử lý chôn lấp hoặc vận chuyển rác về bãi rác tập trung đối với các điểm ô nhiễm... Tổng số đã xử lý 43 điểm ô nhiễm môi trường tại 20 xã, thị trấn với hàng trăm tấn rác; tổ chức Lễ mít tinh hưởng ứng “Chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường” và “Ngày Môi trường Thế giới” năm 2017 với chủ đề “Sống hài hòa với thiên nhiên” tại khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám với 500 người tham gia. Sau buổi lễ đã tổ chức ra quân tổng vệ sinh môi trường toàn bộ khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám, thị trấn Cầu Gò và trồng 12 cây bồ đề, lát hoa tại Khu Nhà trưng bày.

Thường xuyên kiểm tra chi đạo phòng chuyên môn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện việc các hoạt động hưởng ứng chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường, chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm 2017.

Phối hợp với Hội Liên Hiệp Phụ nữ huyện tổ chức cuộc thi “Phụ nữ với Môi trường năm 2017” với 11 xã, thị trấn tham gia dưới hình thức sân khấu hóa, bao gồm các nội dung thi: Tìm hiểu kiến thức về môi trường; trắc nghiệm các câu hỏi về môi trường; kỹ năng tuyên truyền về môi trường. Qua cuộc thi, thông qua các chi hội phụ nữ đã tuyên truyền đến người dân pháp luật về bảo vệ môi trường, các tình huống thường gặp và cách xử lý tình huống khi gặp sự cố về bảo vệ môi trường; Tổ chức tuyên truyền công tác phân loại, thu gom và xử lý rác thải tại hộ gia đình đến hội viên các chi hội phụ nữ của 21/21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện với 1050 hội viên phụ nữ tham gia; phát 500 gói chế phẩm, hơn 1000 cuốn sổ tay hướng dẫn xử lý rác thải cho hội viên phụ nữ.

Thành lập Đoàn Kiểm tra để thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, quản lý đất đai trên địa bàn huyện đối với 02 HTX sản xuất chế biến vôi: Ngân Hồng và Hồng Điều theo đơn phản ánh của một số công dân thôn Bờ Mận. Qua kiểm tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 HTX chế biến vôi Hồng Điều

và Ngân Hồng với tổng số tiền: 14.000.000 đồng và yêu cầu 02 HTX phải khắc phục ngay hành vi vi phạm môi trường và lấp đất, tổ chức các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo đúng quy định.

2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư

- Lĩnh vực đất đai: Thực hiện thanh tra công tác quản lý đất đai tại 06 xã, thị trấn: xã Đồng Tiến, TT Bồ Hạ, xã Bồ Hạ, Tam Tiến, Canh Nậu, Tiến Thắng. Phối hợp Thanh tra tỉnh tổ chức thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông, lâm trường trên địa bàn 12 xã, thị trấn. Qua thanh tra đã phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm theo quy định của pháp luật.

- Lĩnh vực khoáng sản, tài nguyên nước: Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện đối với các tổ chức, cá nhân. Kiểm tra việc san gạt mặt bằng, hạ cốt nền của các chủ sử dụng đất tại các xã, thị trấn, đã xử phạt hành chính 09 chủ sử dụng đất với tổng số tiền xử phạt: 42.000.000 đồng, xử phạt hành chính 01 hộ khai thác cát trái phép trên sông Thương, tại xã Bồ Hạ với số tiền là 2.475.000 đồng. Kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản đối với Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Giang (tại xã Đông Sơn), kết quả yêu cầu Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Giang dừng hoạt động vì chưa làm đầy đủ các thủ tục theo nội dung được cấp phép.

- Lĩnh vực môi trường: Kiểm tra và bắt giữ 02 xe tải chở rác với khối lượng trên 10 tấn rác thải công nghiệp có hành vi đổ trộm chất thải công nghiệp vào địa bàn xã Đồng Hưu gây ô nhiễm môi trường, xử phạt hành chính với số tiền là 30.000.000 đồng. Kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với 03 cơ sở sản xuất kinh doanh có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với tổng số tiền xử phạt là 37.000.000 đồng. Phối hợp với UBND huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện các hoạt động hưởng ứng chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... Tổng số đã tổ chức 42 lượt kiểm tra, xử lý 43 điểm ô nhiễm môi trường tại 20 xã, thị trấn.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tập trung giải quyết xong 06 đơn kéo dài, phức tạp: Đơn của bà Nguyễn Thị Yên thôn Hôi, xã Phồn Xương; bà Trần Thị Tám, xã Tiến Thắng; đơn bà Trần Thị Xuân, thôn Vòng Huyện, xã Bồ Hạ; đơn của bà Nguyễn Thị Thủy thôn Giếng Chanh, xã Đồng Kỳ; đơn của ông Nguyễn Văn Chung thôn Đền Quỳnh, xã Đông Sơn; ông Lăng Văn Long xã Tiến Thắng. Giải quyết dứt điểm ý kiến cử tri về đất trại giam Ngọc Lý liên doanh với Nông trường Yên Thế trước đây để bàn giao về địa phương quản lý.

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

Năm 2017, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện công tác lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2017, tạo sự chuyển biến tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cụ thể là: Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra quản lý

đất đai, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tập trung kiểm tra, xử lý đối với những trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất; san gạt hạ độ cao trái phép, kiểm tra theo hồ sơ thuê đất, sử dụng đất của các chủ sử dụng đất trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, sử dụng đất đúng mục đích, bảo vệ môi trường... Kiên quyết xử lý sai phạm theo quy định, do đó đã góp phần giảm đáng kể các vi phạm về lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường.

- Công tác Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính chính quy, cấp GCN QSDĐ; công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện được tập trung chỉ đạo; thực hiện công khai, dân chủ; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, hạn chế đơn thư, khiếu kiện.

- Công tác giải quyết đơn thư tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, sử dụng đất đai đã có bước chuyển biến tích cực, góp phần ổn định tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn huyện.

- Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm và chủ động triển khai, nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả; hoạt động khai thác khoáng sản từng bước đi vào nề nếp theo quy định pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường đã được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả, huy động đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Công tác quản lý nhà nước về môi trường từng bước đi vào nề nếp, góp phần phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn một số điểm chưa phù hợp, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa sát với nhu cầu thực tế, khả năng thực hiện, tính khả thi thấp, vì vậy nhiều chỉ tiêu không đạt kế hoạch được phê duyệt. Nguyên nhân chính là do việc đăng ký của UBND các xã, thị trấn, các ngành chưa sát khả năng thực hiện; việc thu hút đầu tư các dự án trên địa bàn huyện hạn chế, chủ yếu mang tính dự báo, thụ động.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu chậm (mới đạt 66%), vẫn còn xảy ra sai sót trong quá trình cấp giấy chứng nhận QSD đất. Nguyên nhân do kế hoạch tình giao chỉ tiêu cấp GCNQSD đất lần đầu cho công tác dồn điền đổi thửa 100 ha, quá cao so với thực tế của huyện.

- Công tác quản lý đất đai của một số xã chưa chặt chẽ, còn xảy ra các trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, san gạt hạ độ cao trái phép chưa được phát hiện, xử lý kịp thời. Tình trạng khai thác, vận chuyển trái phép khoáng sản còn xảy ra ở một số nơi (khai thác trộm cát, sỏi trên sông Thương, khai thác đất san nền, đất sét khi chưa được cấp phép...) nhưng chưa được các cấp phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, nhất là từ chính quyền cơ sở.

- Công tác quản lý, sử dụng đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường trả về địa phương chưa được chặt chẽ, hiệu quả chưa cao; công tác giải phóng mặt bằng còn chậm.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường đang tiềm ẩn phức tạp, tình trạng xả nước thải, rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, rác thải công nghiệp, xác động vật chết... không đúng nơi quy định, còn xảy ra ở nhiều nơi, do ý thức của người dân và công tác tuyên truyền còn hạn chế, đặc biệt là do chưa phát huy được tính tự quản, giám sát và phản ánh của nhân dân tại địa phương đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2018

1. Nhiệm vụ

1.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Tiếp tục tổng hợp nhu cầu điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh đối với nhu cầu phát sinh quan trọng, cần thiết của địa phương.

Chỉ đạo, đôn đốc các ngành, UBND các xã, thị trấn đăng ký danh mục dự án có sử dụng đất, tổng hợp diện tích đất cần thu hồi, chuyển mục đích, diện tích đất lúa dự kiến thu hồi, chuyển mục đích năm 2019 để xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2019, trình UBND tỉnh, Sở TNMT thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 được phê duyệt: Dự kiến thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án gồm: Tổng diện tích đất chuyển mục đích SDD 161,11 ha; trong đó: Thực hiện các công trình dự án đất ở 49,19 ha; các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật 101,42 ha; các công trình, dự án hạ tầng xã hội 10,96 ha... (Theo Biểu 03).

1.2. Công tác quản lý đất đai

- Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính: Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính xã Phồn Xương, An Thượng và đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính TT Cầu Gò hoàn thành theo kế hoạch.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

+ Cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu, cấp đổi giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, dự kiến cụ thể như sau: Cấp mới 500 giấy, cấp đổi 1000 giấy. (Theo biểu 04).

+ Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện về việc tổ chức thực hiện rà soát, cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân theo Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Công tác xác định giá đất; bồi thường giải phóng mặt bằng: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Tổ chức đấu giá, phê duyệt kết quả trúng đấu

giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Kiểm tra, thẩm định các hồ sơ giao đất, thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá QSDĐ thuộc thẩm quyền.

- Công tác thu hồi đất để giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất: Tổ chức kịp thời việc kiểm tra, thẩm định các hồ sơ giao đất, thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá QSDĐ thuộc thẩm quyền UBND huyện; Tổ chức kiểm tra hồ sơ GPMB phục vụ cho công tác thu hồi đất, chuyển mục đích SDD xây dựng các công trình, dự án được duyệt.

- Công tác thống kê đất đai: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu số liệu thống kê đất đai năm 2017.

1.3. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản

Chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.

Tiến hành kiểm tra các bãi ven sông chứa cát, sỏi đang hoạt động, hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác đất hạ thấp độ cao trên địa bàn.

1.4. Công tác bảo vệ môi trường

- Kiểm tra, xử lý kịp thời các điểm gây ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong nhân dân.

- Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

+ Tiếp tục tổ chức triển khai, tuyên truyền Luật BVMT, Luật Đa dạng sinh học.

+ Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường huyện; điều tra khảo sát tình hình phát sinh chất thải trên địa bàn huyện.

+ Thẩm định và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đúng quy định trước khi cấp phép đầu tư xây dựng.

+ Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Quản lý chất thải theo quy định.

- Bảo vệ đa dạng sinh học.

1.5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư

Tiếp nhận, phân loại và xử lý kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan lĩnh vực đất đai, môi trường thuộc thẩm quyền (phần đấu giải quyết xong 90% số đơn).

2. Giải pháp

2.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất tại các xã, thị trấn; xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tiếp tục rà soát các công trình, dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm

2015 chưa thực hiện, nếu còn có nhu cầu cần thiết thì đăng ký chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2018, 2019.

2.2. Công tác quản lý đất đai

- Tiếp tục phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra; đơn đốc các đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính tại Phần Xương, An Thượng và đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính tại TT Cầu Gò để đảm bảo hoàn thành kế hoạch; đẩy nhanh tiến độ cấp đổi GCNQSD đất.

- Tập trung chỉ đạo công tác quản lý đất công, đất công ích, đất lâm nghiệp do các công ty lâm nghiệp và lâm trường bàn giao trả lại cho địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn trong vùng đo đạc lập bản đồ địa chính làm tốt công tác phối hợp với đơn vị tư vấn trong việc chỉ dẫn ranh giới sử dụng đất giữa các chủ sử dụng đất, đồng thời kiểm tra, xác minh rõ nguồn gốc sử dụng đất làm căn cứ cho việc cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức và hộ gia đình, cá nhân.

- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện tổ chức tốt việc kiểm tra, đơn đốc, theo dõi việc đăng ký biến động đất đai trên địa bàn. Thực hiện công tác chỉnh lý biến động trên hồ sơ địa chính. Từng bước hoàn thiện, củng cố hệ thống hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp giấy chứng nhận trên địa bàn huyện.

- Tập trung chỉ đạo, đơn đốc công tác cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu, công tác cấp đổi giấy chứng nhận đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao; chỉ đạo các xã, thị trấn củng cố và nêu cao vai trò, trách nhiệm của Hội đồng tư vấn xét cấp GCNQSDĐ cấp xã xét cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện về việc tổ chức thực hiện rà soát, cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân theo Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ GPMB thu hồi đất thuộc thẩm quyền, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc phát sinh khi thực hiện GPMB.

- Tổ chức tốt việc giao đất trên thực địa cho các chủ sử dụng đất sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

2.3. Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản

Tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên khoáng sản từ huyện đến cơ sở.

Tăng cường các biện pháp kiểm tra, quản lý việc khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện, kiên quyết xử lý các vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2.4. Công tác bảo vệ môi trường

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; triển khai thực hiện nghiêm túc Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng các chủ đề về môi trường; tăng cường thẩm định, cấp phép, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, trang trại, gia trại; kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường, không để xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng; kiểm tra, xác nhận đánh giá, đối chứng đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện đúng quy định.

Phối hợp tốt với Ủy ban MTTQ, các đoàn thể tuyên truyền sâu rộng đến quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ môi trường; thực hiện có hiệu quả việc duy trì hoạt động của các tổ tự quản BVMT.

Tăng cường chỉ đạo tổ chức các hoạt động thu gom, xử lý rác thải; xác định giải pháp đầu tư hợp lý, xử lý các điểm tồn đọng rác thải gây ô nhiễm môi trường và các bãi rác tập trung trên địa bàn một cách bền vững.

Quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hiệu quả, đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư

Tăng cường kiểm tra công tác quản lý đất đai, bảo vệ môi trường đối với UBND các xã, thị trấn; chỉ đạo UBND cấp xã quyết liệt thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và kiên quyết xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai, môi trường; rà soát các dự án chậm đầu tư, không triển khai, sử dụng đất sai mục đích, quyết định xử lý hoặc đề nghị xử lý theo quy định; tập trung giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực đất đai, môi trường từ chính quyền cơ sở. /

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- TT.HU, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND;
- Các đại biểu dự kỳ họp;
- Phòng TNMT;
- VP HĐND và UBND huyện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Thân Minh Sâm

BIỂU 01a: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số: 84 /BC-UBND ngày// tháng// năm 2017)

| STT | Chỉ tiêu | Mã | Diện tích kế hoạch được duyệt (ha) | Kết quả thực hiện | |
|----------|--|------------|------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|
| | | | | Hiện trạng sử đất (ha) | Kết quả thực hiện tăng (+), giảm (-) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | Tổng diện tích tự nhiên | | 30.637,05 | 30.637,05 | |
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 25.710,48 | 25.871,24 | 160,76 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 4.390,56 | 4.431,87 | 41,31 |
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | <i>LUC</i> | <i>3.012,96</i> | <i>2.970,93</i> | <i>-42,03</i> |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 1.453,99 | 1.461,41 | 7,42 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 6.000,40 | 6.016,35 | 15,95 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | | | |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | | | |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 13.172,82 | 13.278,31 | 105,49 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 668,35 | 669,48 | 1,13 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | | | |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 24,36 | 13,82 | -10,54 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 4.829,13 | 4.668,40 | -160,73 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 207,24 | 200,04 | -7,20 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 404,52 | 400,72 | -3,80 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | | | |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT | | | |
| 2.5 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 9,25 | 8,09 | -1,16 |
| 2.6 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 5,50 | 0,19 | -5,31 |
| 2.7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 62,43 | 61,25 | -1,18 |
| 2.8 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | 79,58 | 79,58 | |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.391,55 | 1.386,91 | -4,64 |
| 2.10 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 11,68 | 10,59 | -1,09 |
| 2.11 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | | | |
| 2.12 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 9,49 | 9,98 | 0,49 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1.431,96 | 1.402,72 | -29,24 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 53,66 | 44,47 | -9,19 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 16,82 | 16,17 | -0,65 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 90,01 | 0,73 | -89,28 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | | | |
| 2.18 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 4,66 | 4,66 | 0,00 |
| 2.19 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 91,81 | 91,42 | -0,39 |
| 2.2 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 38,22 | 23,10 | -15,12 |
| 2.21 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 22,42 | 20,99 | -1,43 |
| 2.22 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | | | |
| 2.23 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 13,20 | 13,20 | 0,00 |
| 2.24 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 384,23 | 384,23 | 0,00 |
| 2.25 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 500,90 | 500,90 | 0,00 |
| 2.26 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | | | |
| 3 | Đất chưa sử dụng | CSD | 97,44 | 97,41 | -0,03 |



Biểu 01b: KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 1/BC-UBND ngày 1 tháng 1 năm 2017)

| TT | Chỉ tiêu | KHSDB 2015 | | | KHSDB 2016 | | | KHSDB 2017 | | |
|----|---------------------------------|--------------------------|------------------------|---------------|---|------------------------|---------------|--|------------------------|---------------|
| | | Kế hoạch theo QĐ 71 (ha) | Kết quả thực hiện (ha) | Đạt tỷ lệ (%) | Kế hoạch theo QĐ 101 của UBND tỉnh (ha) | Kết quả thực hiện (ha) | Đạt tỷ lệ (%) | Kế hoạch theo QĐ 80 của UBND tỉnh (ha) | Kết quả thực hiện (ha) | Đạt tỷ lệ (%) |
| 1 | Chuyển sang đất phi nông nghiệp | 118,87 | 65,94 | 55,47 | 160,51 | 96,76 | 60,28 | 152,56 | 30,10 | 19,73 |
| 1 | Đất ở đô thị | 12 | | 0,00 | 7,3 | 5,48 | 75,07 | 3,08 | 7,18 | 233,12 |
| 2 | Đất ở nông thôn | 7,50 | 3,69 | 49,20 | 39,89 | 18,40 | 46,13 | 29,35 | 3,17 | 10,80 |
| 3 | Đất trụ sở cơ quan | 0,15 | 0,10 | 66,67 | 3,20 | | 0,00 | 1,40 | 0,00 | 0,00 |
| 4 | Đất nghĩa trang nghĩa địa | 1,00 | | 0,00 | 18,39 | 17,09 | 92,93 | 0,50 | 1,10 | 220,00 |
| 5 | Đất SXVL xây dựng, đồ gốm | | | | 3,40 | | 0,00 | 14,10 | 11,90 | 84,40 |
| 6 | Đất văn hóa | | | | | | | 1,30 | 0,67 | 51,54 |
| 7 | Đất thể dục-thể thao | 0,90 | 0,90 | 100,00 | 11,36 | 8,89 | 78,26 | 2,10 | 1,90 | 90,48 |
| 8 | Đất an ninh | | | | 5,70 | 7,21 | 126,49 | 3,50 | 0,00 | 0,00 |
| 9 | Đất cụm công nghiệp | | | | 13,00 | 0,40 | 3,08 | 1,00 | 0,00 | 0,00 |
| 10 | Đất thương mại, dịch vụ | 0,35 | 0,20 | 57,14 | 12,82 | 8,35 | 65,13 | 5,50 | 0,00 | 0,00 |
| 11 | Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh | 8,15 | 4,13 | 50,67 | 1,94 | | 0,00 | 2,65 | 0,00 | 0,00 |
| 12 | Đất di tích lịch sử-văn hóa | 0,60 | | 0,00 | 7,88 | 7,03 | 89,21 | 1,10 | 0,60 | 54,55 |
| 13 | Đất giao thông | 3,79 | 1,74 | 45,91 | 13,11 | 11,11 | 84,74 | 1,63 | 1,23 | 75,46 |
| 14 | Đất thủy lợi | 78,80 | 51,77 | 65,70 | 7,54 | 7,18 | 95,23 | 1,70 | 1,10 | 64,71 |
| 15 | Đất công trình năng lượng | | | | 0,06 | 0,05 | 83,33 | 83,00 | 0,00 | 0,00 |
| 16 | Đất giáo dục | | | | 1,19 | 0,88 | 73,95 | 0,60 | 1,20 | 200,00 |
| 17 | Bưu chính viễn thông | | | | | | | 0,05 | 0,05 | 100,00 |
| 18 | Đất chợ, đất công cộng | 3,46 | 3,11 | 89,88 | 2,75 | 0,30 | 10,91 | | | |
| 19 | Đất tôn giáo, tín ngưỡng | 0,30 | 0,30 | 100,00 | 0,30 | | 0,00 | | | |
| 20 | Đất bãi rác thải | 1,87 | | | 5,93 | 4,39 | 74,03 | | | |
| 21 | Thảm cỏ khoáng sản | | | | 4,75 | | 0,00 | | | |

Biểu 2a: Biểu tổng hợp diện tích, số GCNQSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân năm 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 81/BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017)

Chia ra các loại đất

| STT | Xã, thị trấn | Chi tiêu kế hoạch 2017 | Diện tích đã cấp | Tổng số | Số giấy đã cấp | Đất ở đô thị | | Đất ở nông thôn | | Đất CLN | | Đất LUC | | Đất rừng sản xuất | |
|------|--------------|------------------------|------------------|---------|----------------|--------------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|-----------|-----------------------------|-----------|-------------------|-----------------------------|
| | | | | | | Tỷ lệ % | Số giấy | Diện tích (m ²) | Số giấy | Diện tích (m ²) | Số giấy | Diện tích (m ²) | Số giấy | | Diện tích (m ²) |
| 1 | | | 20 | 3 | 15 | 3 | - | - | - | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 1 | TT Cầu Gò | | 220,0 | 3 | 15 | 3 | 220,0 | - | - | | | | | | |
| 2 | TT Bồ Hà | | 17.450,0 | 206 | 69 | 206 | 17.450,0 | - | - | | | | | | |
| 3 | An Thượng | | 1.955,0 | 19 | 10 | 19 | 1.955,0 | | | | | | | | |
| 4 | Bồ Hà | | 1.783,0 | 19 | 190 | 19 | 1.783,0 | | | | | | | | |
| 5 | Canh Nậu | | 456.925,3 | 221 | 1.105 | 1 | 100,0 | | | | | | | | |
| 6 | Đông Sơn | | 52.826,8 | 12 | 60 | 1 | 100,0 | | | | | | | | |
| 7 | Đông Hương | | 404,3 | 2 | 10 | 2 | 350,0 | | | | | | | | |
| 8 | Đông Kỳ | | 1.208,4 | 6 | 30 | 4 | 587,5 | | | | | | | | |
| 9 | Đông Lạc | | - | 0 | - | | | | | | | | | | |
| 10 | Đông Vương | | 16.084,2 | 3 | 15 | 1 | 250,0 | | | | | | | | |
| 11 | Đông Tiến | | 110,6 | 1 | 5 | 1 | 50,0 | | | | | | | | |
| 12 | Hồng Kỳ | | 9.995,2 | 2 | 7 | 1 | 360,0 | | | | | | | | |
| 13 | Hương VI | | 777,2 | 7 | 35 | 7 | 777,2 | | | | | | | | |
| 14 | Phồn Xương | | 2.963,1 | 32 | 107 | 32 | 2.963,1 | | | | | | | | |
| 15 | Tam Hiệp | | 5.374,7 | 9 | 45 | 8 | 741,9 | | | | | | | | |
| 16 | Tam Tiến | | 154.441,1 | 40 | 133 | 7 | 1.355,0 | | | | | | | | |
| 17 | Tân Hiệp | | 600,0 | 6 | 12 | 6 | 600,0 | | | | | | | | |
| 18 | Tiền Thăng | | 12.445,1 | 46 | 153 | 45 | 4.882,0 | | | | | | | | |
| 19 | Tân Sỏi | | 3.434,4 | 15 | 30 | 15 | 1.744,3 | | | | | | | | |
| 20 | Xuân Lương | | 1.091,8 | 10 | 50 | 10 | 1.091,8 | | | | | | | | |
| 21 | Đông Tâm | | 91.073,5 | 31 | 78 | 25 | 3.686,0 | | | | | | | | |
| Tổng | | | | 1.000 | 831.163,7 | 690 | 17.670,0 | 204 | 23.376,8 | 30 | 228.387,4 | 107 | 123.007,4 | 140 | 438.722,1 |

Biểu 2b: Biểu tổng hợp diện tích, số GCNQSD đất cấp đổi cho hộ gia đình, cá nhân năm 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 81/BC-UBND ngày 11 tháng 1 năm 2017)

| STT | Xã, thị trấn | Chi tiêu kế hoạch 2017 | Diện tích đã cấp GCN | GCN thu hồi | Tổng số đã cấp GCN | Tổng số GCN giao | Chia ra các loại đất | | | | Diện tích (m ²) | Diện tích (m ²) | Diện tích (m ²) | Diện tích (m ²) | Diện tích (m ²) | Diện tích (m ²) |
|------|--------------|------------------------|----------------------|-------------|--------------------|------------------|-------------------------|-----------------|------------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | | | | | | | Tỷ lệ % so với kế hoạch | Đất ở nông thôn | Đất CLN | Đất RSX | | | | | | |
| 1 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | | | 50 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | | | 100 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | | | 20 | 362.915,4 | 140,0 | 156,0 | 780 | 26.278,0 | 157.949,00 | 5.020,0 | 158.054 | 14.132 | 1482 | | | |
| 6 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | | | 100 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | | | 100 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | | | 20 | 65.561,2 | 13,0 | 19,0 | 95 | 3.650,0 | 59.251,5 | 1.818,6 | 841,1 | | | | | |
| 11 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | | | 100 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | | | 100 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13 | | | 20 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | | | 30 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | | | 30 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 15 | | | 20 | 2.155,1 | | 2 | 10 | 300,0 | 1.855,1 | | | | | | | |
| 15 | | | 20 | 2.155,1 | | 2 | 10 | 300,0 | 1.855,1 | | | | | | | |
| 16 | | | 30 | 89.259,0 | 59,0 | 64 | 213 | 12.878,0 | 30.581,2 | 40.103,9 | 2.366,70 | 2.392,70 | 936,50 | | | |
| 16 | | | 30 | 89.259,0 | 59,0 | 64 | 213 | 12.878,0 | 30.581,2 | 40.103,9 | 2.366,70 | 2.392,70 | 936,50 | | | |
| 17 | | | 200 | 723.051,8 | 344,0 | 378 | 189 | 47.793,0 | 301.734,2 | 70.511,7 | 250.369,9 | 38.286,4 | 14.356,6 | | | |
| 17 | | | 200 | 723.051,8 | 344,0 | 378 | 189 | 47.793,0 | 301.734,2 | 70.511,7 | 250.369,9 | 38.286,4 | 14.356,6 | | | |
| 18 | | | 100 | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 18 | | | 100 | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 19 | | | 30 | 459.646,7 | 157,0 | 164 | 547 | 4.637,0 | 128.068,0 | 214.493,6 | 110.517,3 | 863,7 | 1.067,1 | | | |
| 19 | | | 30 | 459.646,7 | 157,0 | 164 | 547 | 4.637,0 | 128.068,0 | 214.493,6 | 110.517,3 | 863,7 | 1.067,1 | | | |
| 20 | | | 30 | 1.913.548,3 | 300,0 | 323 | 1077 | 25.170,0 | 166.759,7 | 1.592.733,2 | 126.900,4 | | 1.985,0 | | | |
| 20 | | | 30 | 1.913.548,3 | 300,0 | 323 | 1077 | 25.170,0 | 166.759,7 | 1.592.733,2 | 126.900,4 | | 1.985,0 | | | |
| 21 | | | 30 | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 21 | | | 30 | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | 1.000 | 3.616.137,5 | 1.013 | 1.106 | 111 | 120.706,0 | 846.198,7 | 1.922.862,4 | 650.027,3 | 56.515,9 | 19.827,2 | | | |

BIỂU 03: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 81 /BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017)

Đơn vị tính: ha

| STT | Tên công trình, dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Trong đó | | Loại đất | Ghi chú |
|-----|--|---------------|----------------|----------|----------|----------|---------|
| | | | | Đất lúa | Đất khác | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 4 | 7 |
| I | Các công trình, dự án đất ở | | 49,19 | 30,55 | 18,64 | | |
| 1 | Đất ở khu dân cư bản Thia | xã Canh Nậu | 0,1 | 0,1 | | LUK | |
| 2 | Đất ở khu dân cư bản Đồng Cà | xã Canh Nậu | 0,1 | 0,1 | | LUK | |
| 3 | Đất ở khu dân cư thôn Tân Xuân (cạnh nhà ông Quỳnh) | xã Bồ Hạ | 0,07 | | 0,07 | CLN | |
| 4 | Đất ở khu dân cư thôn Đồng Quán (cửa phòng khám Đa khoa) | xã Bồ Hạ | 0,24 | | 0,24 | HNK | |
| 5 | Khu dân cư thôn Cống Châu | xã Đồng Hưu | 0,3 | 0,3 | | LUC | |
| 7 | Khu dân cư thôn Thiều | Xã Đồng Lạc | 0,33 | 0,33 | | LUC | |
| 8 | Khu dân cư Thôn Đồi lách; Khu dân cư thôn Đông Kênh | Xã Đông Sơn | 0,15 | | 0,15 | HNK | |
| | | Xã Đông Sơn | 0,42 | | 0,42 | HNK | |
| 9 | Khu dân cư bản Đồng Vương | Xã Đồng Vương | 0,73 | 0,73 | | LUC | |
| 10 | Khu dân cư bản Trảng Bản | Xã Đồng Vương | 0,04 | 0,04 | | LUC | |
| | | Xã Đồng Vương | 0,20 | | 0,20 | CLN | |
| 11 | Khu dân cư thôn Yên Bái | Xã Hương VI | 0,5 | 0,5 | | LUK | |
| 12 | Đất ở nông thôn Rừng Dài | Xã Tam Tiến | 0,13 | 0,13 | | LUK | |
| 13 | Đất ở nhỏ lẻ thôn Am, Đồng Tâm, Luộc Giới | Xã Tân Hiệp | 0,1 | | 0,1 | CLN | |
| 14 | Khu dân cư mới thị trấn | TT Cầu Gò | 4,7 | | 4,7 | CLN | |
| 15 | Khu dân cư Cà Trọng | TT Cầu Gò | 0,4 | 0,4 | | LUC | |
| 16 | Đất ở nhỏ lẻ Thôn Chiềng | Xã Tân Sỏi | 0,09 | | 0,09 | CLN | |
| 17 | Đất ở nhỏ lẻ thôn sỏi | Xã Tân Sỏi | 0,01 | | 0,01 | HNK | |
| 18 | Quy hoạch đấu giá đất thôn Cầu Giáp Tl 292 | Xã Tân Sỏi | 0,5 | 0,5 | | LUC | |
| 19 | Đấu giá đất ở Thôn Phú Bản giáp TL 294 | Xã Tân Sỏi | 0,2 | 0,2 | | LUC | |
| 20 | Khu dân cư thôn An Châu | Xã An Thượng | 0,4 | 0,4 | | LUC | |

| STT | Tên công trình, dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Trong đó | | Loại đất | Ghi chú |
|-----|---|---------------|----------------|----------|----------|----------|---------|
| | | | | Đất lúa | Đất khác | | |
| 21 | Khu dân cư thôn An Thành | Xã An Thượng | 0,2 | 0,2 | | LUC | |
| 22 | Khu dân cư thôn Lan Thượng | Xã An Thượng | 0,5 | 0,5 | | LUC | |
| 23 | Khu dân cư thôn Tân An | Xã An Thượng | 0,15 | 0,15 | | LUC | |
| 24 | Khu cư thôn Cầu Thầy | Xã An Thượng | 0,15 | | 0,15 | DGD | |
| 25 | Khu dân cư thôn Lan Thượng | Xã An Thượng | 0,15 | | 0,15 | RSX | |
| 26 | Khu dân cư thôn Cầu Thầy | Xã An Thượng | 0,03 | | 0,03 | DVH | |
| 27 | Khu dân cư thôn Đền Giếng | Xã Hồng Kỳ | 0,5 | 0,5 | | LUC | |
| 28 | Đầu giá đất ở bản Làng Dưới | Xã Xuân Lương | 0,32 | 0,32 | | LUC | |
| 29 | Đất ở nhỏ lẻ tại các bản của xã | Xã Xuân Lương | 0,1 | 0,1 | | LUC | |
| | | Xã Xuân Lương | 0,1 | | 0,1 | CLN | |
| 30 | Khu dân cư thôn Trại Quân | Xã Đồng Kỳ | 0,2 | 0,2 | | LUC | |
| 31 | Khu dân cư thôn Cống Huyện | Xã Đồng Kỳ | 0,08 | 0,08 | | LUC | |
| 32 | Chuyển mục đích nhỏ lẻ | xã Đồng Tâm | 0,1 | | 0,1 | CLN | |
| | | xã Đồng Tâm | 0,02 | | 0,02 | BHK | |
| 33 | Quy hoạch dân cư ngã 3 cơ bản đi trại y tế thôn Liên Cơ | xã Đồng Tâm | 0,3 | 0,3 | | LUC | |
| | | xã Đồng Tâm | 0,5 | | 0,5 | CLN | |
| | | xã Đồng Tâm | 0,1 | | 0,1 | BHK | |
| 34 | Đất khu dân cư tập trung bản Trại Nấm | Xã Đồng Tiến | 0,6 | 0,6 | | LUC | |
| 35 | Khu dân cư phố Thống nhất bám đường 242 | TT Bồ Hạ | 0,2 | 0,2 | | LUC | |
| 36 | Khu dân cư chợ giáp khu dân cư chợ Bồ Hạ cũ | TT Bồ Hạ | 0,04 | 0,04 | | LUC | |
| 37 | Đất ở nhỏ lẻ | TT Bồ Hạ | 0,05 | 0,05 | | LUC | |
| 38 | Khu dân cư mới thị trấn Bồ Hạ đợt 4 | TT Bồ Hạ | 7 | 7 | | LUC | |
| | | TT Bồ Hạ | 0,5 | | 0,5 | CLN | |
| | | TT Bồ Hạ | 0,5 | | 0,5 | HNK | |
| 39 | Khu dân cư Đồng Tâm | Đồng Kỳ | 0,16 | 0,16 | | LUC | |

| STT | Tên công trình, dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Trong đó | | Loại đất | Ghi chú |
|-----|---|---|----------------|----------|----------|----------|---------|
| | | | | Đất lúa | Đất khác | | |
| 40 | Khu dân cư thôn Thành Chung (cửa nhà bà Thủy) | Xã Phồn Xương | 0,65 | 0,65 | | LUC | |
| 41 | Khu dân cư thôn Thành Chung (cạnh nhà ông Thành) | Xã Phồn Xương | 0,07 | 0,07 | | LUC | |
| | | Xã Phồn Xương | 0,06 | | 0,06 | NTS | |
| 42 | Khu dân cư Trại Mạn 2 thôn Hồi | Xã Phồn Xương | 0,25 | | 0,25 | HNK | |
| 43 | Khu dân cư thôn Hồi (cửa nhà bà Thời) | Xã Phồn Xương | 0,4 | 0,4 | | LUC | |
| 44 | Khu dân cư Phồn Xương giai đoạn II | Xã Phồn Xương | 9,8 | 9,8 | | LUC | |
| | | | 4 | | 4 | HNK | |
| | | | 6,2 | | 6,2 | CLN | |
| 45 | Đất ở và trung tâm thương mại xã Xuân Lương | Xã Xuân Lương | 5,5 | 5,5 | | LUC | |
| II | Các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật | | 101,42 | 1,26 | 100,16 | | |
| 1 | Đường giao thông nông thôn thôn Đồi Hồng | Xã Đông Sơn | 0,06 | | 0,06 | HNK | |
| 2 | Các xuất tuyến 22KV, 35KV sau Trạm biến áp Cầu Gò | Xã Đông Tiến, Hồng Kỳ, Đồng Tâm, Tam Tiến, Canh Nậu, Đồng Hưu, Xuân Lương | 0,1 | 0,1 | | LUC | |
| 3 | Đường dây và TBA 110KV Tân Yên | TT Cầu Gò, Tam Hiệp, Tân Hiệp, Phồn Xương | 0,38 | 0,38 | | LUC | |
| 4 | Nhà máy phát điện năng lượng mặt trời | Xã Tam Tiến, xã Tam Hiệp | 100 | | 100 | RSX | |
| 5 | Bãi xe tĩnh thị trấn Bồ Hạ phố Thống Nhất | TT Bồ Hạ | 0,27 | 0,27 | | LUC | |
| 6 | Đường giao thông nông thôn các thôn | Xã Đồng Kỳ | 0,31 | 0,31 | | LUC | |

| STT | Tên công trình, dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Trong đó | | Loại đất | Ghi chú |
|------------|--|---------------|----------------|--------------|---------------|----------|---------|
| | | | | Đất lúa | Đất khác | | |
| 7 | Đất công trình năng lượng thôn Dinh Tiến | Xã Bồ Hạ | 0,1 | | 0,1 | HNK | |
| 8 | Đất công trình năng lượng thôn Trại Quân (cây xăng) | Đồng Kỳ | 0,2 | 0,2 | | LUA | |
| III | Các công trình, dự án hạ tầng xã hội | | 10,96 | 7,84 | 3,12 | | |
| 1 | Đất xây dựng nhà văn hóa bản Khe Ngọn | Xã Đồng Tiến | 0,15 | 0,15 | | LUC | |
| 2 | Đất xây dựng nhà văn hóa bản Đồng An | Xã Đồng Tiến | 0,17 | | 0,17 | RSX | |
| 3 | Sân thể thao Tam Kha | Xã Xuân Lương | 0,3 | 0,3 | | LUC | |
| 4 | Mở rộng sân vận động TT Bồ Hạ tại phố Thống Nhất | TT Bồ Hạ | 0,86 | 0,86 | | LUC | |
| 5 | Mở rộng khuôn viên trụ sở UBND xã tại thôn Đồng Tâm | Xã Đồng Kỳ | 0,45 | 0,45 | | LUC | |
| 6 | Trường mầm non Tư thực TT Bồ Hạ | TT Bồ Hạ | 0,43 | 0,43 | | LUC | |
| 7 | Trường mầm non Tư thực TT Cầu Gò | TT Cầu Gò | 0,45 | 0,45 | | LUC | |
| 8 | Khu liên hợp thể thao, sân vận động huyện | TT Cầu Gò | 4,5 | 4,5 | | LUC | |
| | | TT Cầu Gò | 0,5 | | 0,5 | CLN | |
| | | TT Cầu Gò | 0,5 | | 0,5 | ODT | |
| | | TT Cầu Gò | 0,05 | | 0,05 | NTS | |
| 9 | Khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám | TT Cầu Gò | 1,5 | | 1,5 | CLN | |
| | | TT Cầu Gò | 0,1 | | 0,1 | ODT | |
| 10 | Đất thương mại, dịch vụ thôn Đồng Quán | Xã Bồ Hạ | 0,2 | 0,2 | | LUA | |
| | | Xã Bồ Hạ | 0,1 | | 0,1 | HNK | |
| 11 | Đất sản xuất kinh doanh thôn Dinh Tiến | Xã Bồ Hạ | 0,1 | | 0,1 | HNK | |
| 12 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng (bãi tập kết và trung chuyển vật liệu xây dựng) | Xã Bồ Hạ | 0,5 | 0,5 | | LUK | |
| | | Xã Bồ Hạ | 0,1 | | 0,1 | HNK | |
| IV | Dự án chuyển nội bộ đất nông nghiệp | | 0,2 | 0,2 | | | |
| 1 | Đất nuôi trồng thủy sản bản Tam Kha, Đồng Gián | Xã Xuân Lương | 0,2 | 0,2 | | LUC | |
| 66 | Tổng | | 161,77 | 39,85 | 121,92 | | |

BIỂU 04: DỰ KIẾN CHỈ TIÊU CẤP GCNQSD ĐẤT CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2018
 (Kèm theo Báo cáo số: 81/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện)

| TT | Xã, thị trấn | Tổng số giấy | Trong đó | |
|----|--------------|--------------|----------------|----------------|
| | | | Cấp mới (giấy) | Cấp đổi (giấy) |
| 1 | TT Cầu Gò | 110 | 100 | 10 |
| 2 | TT Bồ Hạ | 60 | 50 | 10 |
| 3 | An Thượng | 90 | 40 | 50 |
| 4 | Bồ Hạ | 30 | 10 | 20 |
| 5 | Canh Nậu | 35 | 15 | 20 |
| 6 | Đông Sơn | 30 | 10 | 20 |
| 7 | Đông Hưu | 40 | 20 | 20 |
| 8 | Đông Kỳ | 40 | 20 | 20 |
| 9 | Đông Lạc | 220 | 20 | 200 |
| 10 | Đông Vương | 35 | 15 | 20 |
| 11 | Đông Tiến | 30 | 10 | 20 |
| 12 | Hồng Kỳ | 210 | 10 | 200 |
| 13 | Hương Vỹ | 40 | 20 | 20 |
| 14 | Phồn Xương | 70 | 20 | 50 |
| 15 | Tam Hiệp | 50 | 20 | 30 |
| 16 | Tam Tiến | 45 | 15 | 30 |
| 17 | Tân Hiệp | 120 | 20 | 100 |
| 18 | Tân Sỏi | 120 | 20 | 100 |
| 19 | Tiến Thắng | 35 | 15 | 20 |
| 20 | Xuân Lương | 40 | 20 | 20 |
| 21 | Đông Tâm | 50 | 30 | 20 |
| | Tổng | 1500 | 500 | 1000 |

